

Số: 22 /2021/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 29 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
**Quy định một số nội dung về thẩm định giá của nhà nước
trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

*Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2021 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06
tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật
Giá về thẩm định giá;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ
Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP
ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Giá về thẩm định giá.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 60/TTr-STC ngày
15 tháng 6 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định một số nội dung về thẩm định giá của nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đối với tài sản là hàng hóa, dịch vụ được mua, đi thuê phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị có sử dụng nguồn vốn ngân sách (không bao gồm tài sản là: Thuốc, trang thiết bị y tế; các nhóm tài sản là vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng hoặc các nhóm tài sản là vật tư, thiết bị nhưng không

phải vật liệu xây dựng thuộc các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư); phân công thực hiện thẩm định giá tài sản nhà nước và trình tự thực hiện thẩm định.

2. Các quy định khác về thẩm định giá không quy định tại văn bản này thực hiện theo quy định của Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Quốc Hội; Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá; Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Giang; Các cơ quan, tổ chức được ngân sách địa phương thuộc tỉnh hỗ trợ kinh phí (sau đây gọi chung các cơ quan, đơn vị).

Điều 3. Phân công thực hiện thẩm định giá tài sản của cơ quan nhà nước

1. Sở Tài chính là cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện thẩm định giá thuộc các trường hợp:

Tài sản là hàng hóa, dịch vụ có giá mua, giá thuê có giá trị từ trên 500 triệu đồng đến 10.000 triệu đồng trên một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) cho một lần mua, một lần thuê của cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.

Tài sản là hàng hóa, dịch vụ có giá mua, giá thuê từ trên 2.000 triệu đồng đến 10.000 triệu đồng trên một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) cho một lần mua, một lần thuê của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bắc Giang giao Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố Bắc Giang (gọi chung là Phòng TC-KH cấp huyện) thực hiện thẩm định giá thuộc trường hợp:

Tài sản là hàng hóa, dịch vụ có giá mua, giá thuê từ trên 300 triệu đồng đến 2.000 triệu đồng trên một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) cho một lần mua, một lần thuê của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện.

3. Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước (gọi tắt là Hội đồng thẩm định giá):

a) Thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá:

- Hội đồng thẩm định giá cấp tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập (Sở Tài chính là cơ quan Thường trực Hội đồng thẩm định giá cấp tỉnh);

- Hội đồng thẩm định giá cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định thành lập (Phòng TC-KH cấp huyện là cơ quan Thường trực Hội đồng thẩm định giá cấp huyện);

- Hội đồng thẩm định giá tại các cơ quan, đơn vị (bao gồm cả Hội đồng thẩm định giá tại các Sở, Ban, Ngành thuộc tỉnh) do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thành lập (bộ phận Tài chính - Kế toán của các cơ quan, đơn vị là bộ phận Thường trực Hội đồng thẩm định giá).

b) Hội đồng thẩm định giá cấp tỉnh thực hiện thẩm định giá thuộc các trường hợp:

- Mua tài sản là hàng hóa, dịch vụ thuộc bí mật nhà nước.

- Tài sản là hàng hóa, dịch vụ có giá mua, giá thuê trên 10.000 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) cho một lần mua, một lần thuê.

- Các trường hợp cần thiết theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Hội đồng thẩm định giá cấp huyện thực hiện thẩm định giá đối với các trường hợp cần thiết theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

d) Hội đồng thẩm định giá của các Sở, Ban, Ngành thuộc tỉnh thực hiện thẩm định giá đối với trường hợp: Tài sản là hàng hóa, dịch vụ có giá mua, giá thuê từ trên 300 triệu đồng đến 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) cho một lần mua, một lần thuê của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

đ) Hội đồng thẩm định giá của các cơ quan, đơn vị còn lại thực hiện thẩm định giá đối với trường hợp: Tài sản là hàng hóa, dịch vụ có giá mua, giá thuê từ trên 50 triệu đồng đến 300 triệu đồng trên một đơn vị tài sản (hoặc lô tài sản) cho một lần mua, một lần thuê.

Điều 4. Trình tự thẩm định giá của nhà nước

1. Hồ sơ yêu cầu thẩm định giá:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Văn bản đề nghị thẩm định giá thực hiện theo Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này.

2. Quy trình tiếp nhận:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ yêu cầu thẩm định giá thì Sở Tài chính, Phòng TC-KH cấp huyện hoặc Thường trực Hội đồng

thẩm định giá có văn bản yêu cầu các cơ quan, đơn vị hoàn thiện hồ sơ (nếu hồ sơ không đúng, không đầy đủ theo quy định).

3. Thời hạn trả kết quả thẩm định giá:

a) Tài sản là hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền thẩm định giá của Sở Tài chính, Phòng TC-KH, kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định thì Sở Tài chính, Phòng TC-KH cấp huyện có trách nhiệm thẩm định giá và có văn bản trả lời kết quả thẩm định giá:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc đối với tài sản là hàng hóa, dịch vụ phổ biến trên thị trường và không thuê đơn vị tư vấn thẩm định giá.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc đối với tài sản là hàng hóa, dịch vụ không phổ biến trên thị trường, mang tính chất đặc thù chuyên ngành, có dưới 30 danh mục tài sản và có thuê đơn vị tư vấn thẩm định giá.

Trong thời hạn 20 ngày làm việc đối với tài sản là hàng hóa, dịch vụ không phổ biến trên thị trường, mang tính chất đặc thù chuyên ngành, có trên 30 danh mục tài sản và có thuê đơn vị tư vấn thẩm định giá.

b) Tài sản là hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá cấp tỉnh, cấp huyện, kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định thì Thường trực Hội đồng thẩm định giá có trách nhiệm tham mưu Hội đồng thẩm định giá tổ chức thẩm định giá và ban hành Kết luận về kết quả thẩm định giá:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc đối với tài sản là hàng hóa, dịch vụ phổ biến trên thị trường và có thuê đơn vị tư vấn thẩm định giá.

Trong thời hạn 20 ngày làm việc đối với tài sản là hàng hóa, dịch vụ không phổ biến trên thị trường, mang tính chất đặc thù chuyên ngành, không sản xuất trong nước có dưới 30 danh mục tài sản và có thuê đơn vị tư vấn thẩm định giá.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc đối với tài sản là hàng hóa, dịch vụ không phổ biến trên thị trường, mang tính chất đặc thù chuyên ngành, không sản xuất trong nước từ 30 đến dưới 100 danh mục tài sản và có thuê đơn vị tư vấn thẩm định giá.

Trong thời hạn 45 ngày làm việc đối với tài sản là hàng hóa, dịch vụ không phổ biến trên thị trường, mang tính chất đặc thù chuyên ngành, không sản xuất trong nước có trên 100 danh mục tài sản và có thuê đơn vị tư vấn thẩm định giá.

c) Tài sản là hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá của các Sở, Ban, Ngành thuộc tỉnh:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định thì bộ phận Thường trực Hội đồng thẩm định giá có trách nhiệm tham mưu Hội đồng thẩm định giá tổ chức thẩm định giá và ban hành Kết luận về kết quả thẩm định giá.

d) Tài sản là hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá tại các các cơ quan, đơn vị còn lại:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định thì cơ quan Thường trực Hội đồng thẩm định giá có trách nhiệm tham mưu Hội đồng thẩm định giá tổ chức thẩm định giá và ban hành Kết luận về kết quả thẩm định giá.

đ) Trường hợp tài sản thẩm định giá mang tính chất chuyên ngành, không phổ biến trên thị trường, mang tính đặt hàng hoặc phải xin ý kiến cơ quan chuyên môn liên quan khi thực hiện thẩm định giá thì gia hạn thời gian thẩm định thêm không quá 05 ngày làm việc đối với tất cả các trường hợp quy định tại khoản 3, Điều này.

Báo cáo thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá hoặc bộ phận chuyên môn, cán bộ của cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định giá thực hiện theo Phụ lục số 02; Văn bản trả lời thẩm định giá của cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định giá hiện theo Phụ lục số 03 kèm theo Quyết định này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2021 và thay thế Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về thẩm định giá của nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện Quyết định này; tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác quản lý nhà nước về thẩm định giá trên địa bàn tỉnh; tổng hợp, đánh giá kết quả thẩm định giá và báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và báo cáo năm gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi Bộ Tài chính trước ngày 25 của tháng cuối kỳ báo cáo.

2. Các cơ quan, đơn vị thực hiện thẩm định giá định kỳ báo cáo 06 tháng đầu năm và báo cáo năm đánh giá kết quả thẩm định giá, gửi về Sở Tài chính trước ngày 15 của tháng cuối kỳ báo cáo để tổng hợp báo cáo theo quy định; cập nhập thông tin kết quả mua sắm lên cơ sở dữ liệu về giá của tỉnh Bắc Giang.

Nội dung báo cáo thực hiện theo Phụ lục số 04 kèm theo Quyết định này.

3. Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Vụ Pháp luật - Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế, Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh Bắc Giang;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; các Ban của HĐND tỉnh;
- HĐND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh:
- + LĐVP, các phòng, đơn vị, TTTT;
- + Lưu VT, KTTHTú.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Thế Tuấn

Phụ lục số 01: Mẫu Công văn đề nghị thẩm định giá của nhà nước
(Kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Bắc Giang)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN ĐỀ NGHỊ
THẨM ĐỊNH GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /
V/v thẩm định giá tài sản

Bắc Giang, ngày tháng năm 20...

Kính gửi: *Tên cơ quan nhà nước được giao nhiệm vụ thẩm định giá*

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày /6/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang quy định về thẩm định giá của nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang,

Đơn vị yêu cầu thẩm định giá:

Địa chỉ:.....

Điện thoại: Fax:

Tài khoản số:

Đề nghị thẩm định giá của tài sản theo danh mục chi tiết cụ thể như sau:

1. Tên loại tài sản:

(Nếu nhiều Danh mục tài sản đề nghị theo mẫu Danh mục chi tiết tài sản đề nghị thẩm định giá kèm theo).

2. Đặc điểm, quy cách, thông số kinh tế - kỹ thuật (Model, quy cách, thông số kỹ thuật, đặc tính, xuất xứ, năm sản xuất, công suất,...):

3. Chất lượng: Đã qua sử dụng: Mới 100%:

4. Số lượng:

5. Giá trị đề nghị thẩm định giá:

6. Mục đích thẩm định giá:

.....
7. Nguồn vốn thực hiện (phân loại nguồn vốn nếu có từ 2 nguồn trở lên):
.....

....

8. Địa điểm thẩm định giá:

9. Thời điểm thẩm định giá (cụ thể tháng, năm):

10. Tên người liên hệ:Điện thoại:

11. Giấy tờ kèm theo tài sản bao gồm: cơ sở đề xuất giá thẩm định và các tài liệu khác có liên quan

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

DANH MỤC CHI TIẾT TÀI SẢN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH GIÁ

(Kèm theo Công văn số/..... ngày/...../20... của về việc đề nghị thẩm định giá tài sản của nhà nước)

TT	TÊN TÀI SẢN	Đặc điểm, quy cách, thông số kinh tế - kỹ thuật của tài sản (Model, quy cách, thông số kỹ thuật, đặc tính, xuất xứ, năm sản xuất, công suất,...)	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đề nghị thẩm định		Ghi chú
					Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	
1	2	3	4	5	6	7=5x6	8
1							
2							
3							
4							
5							
.....							
	Tổng cộng:			

Lưu ý (nếu có):

.....

.....

.....

.....

.....

Phụ lục số 02: Mẫu Báo cáo thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá hoặc bộ phận chuyên môn, cán bộ của cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định giá
(Kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Bắc Giang)

**TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
BỘ PHẬN THẨM ĐỊNH GIÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số:/BC-TĐG

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày /6/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang quy định về thẩm định giá của nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị/ yêu cầu của tại Công văn số..... ngày..... về việc thẩm định giá.....,

Hội đồng thẩm định giá (hoặc bộ phận chuyên môn của cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định giá) báo cáo kết quả thẩm định giá như sau:

1. Mục đích thẩm định giá

Xác định giá tài sản phục vụ mục đích.....

2. Thời điểm thẩm định giá

Tại thời điểm (ngày... tháng năm....)

3. Nguyên tắc, cơ sở thẩm định giá (nêu rõ những căn cứ chủ yếu để thẩm định giá)

Căn cứ hóa đơn, chứng từ, hồ sơ, giấy tờ pháp lý do cung cấp (kèm theo công văn đề nghị/ yêu cầu số..... ngày.....); Căn cứ vào kết quả khảo sát thông tin trong nước và quốc tế liên quan đến giá trị tài sản cùng loại; Tham khảo kết quả thẩm định giá của đơn vị tư vấn về giá tại Chứng thư số của (nếu có); Căn cứ pháp lý khác.

4. Tài sản thẩm định giá

a) Đặc điểm tài sản về mặt kỹ thuật:

b) Đặc điểm tài sản về mặt pháp lý:

5. Phương pháp thẩm định giá:.....

6. Kết quả thẩm định giá:

Trên cơ sở các tài liệu do cung cấp, qua khảo sát thực tế tại hiện trường (*nếu có*); Tham khảo kết quả thẩm định giá của đơn vị tư vấn về giá tại Chứng thư số của (*nếu có*); với phương pháp thẩm định giá được áp dụng trong tính toán, Hội đồng thẩm định giá (hoặc bộ phận chuyên môn của cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định giá) báo cáo kết quả thẩm định giá tài sản..... tại thời điểm như sau:

Giá từng bộ phận của tài sản:.....

Giá toàn bộ của tài sản:.....

Làm tròn:

(viết bằng chữ: đồng).

7. Những hạn chế của kết quả thẩm định giá (*nếu có*):

.....¹..... báo cáo kết quả thẩm định giá theo đề nghị của²..... làm cơ sở³..... theo quy định của pháp luật hiện hành./.

Nơi nhận:

- Các thành viên Hội đồng thẩm định giá;
- Lưu Hồ sơ thẩm định giá./.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIÁ

Đại diện bộ phận chuyên môn về giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

hoặc

CÁN BỘ THẨM ĐỊNH

(Ký và ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG BỘ PHẬN CHUYÊN MÔN
THUỘC CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO NHIỆM
VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

hoặc

(Đối với thẩm quyền của Phòng Tài chính - Kế hoạch)

CÁN BỘ THẨM ĐỊNH

(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Tên Hội đồng thẩm định giá (hoặc bộ phận chuyên môn của cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định giá)

² Tên đơn vị đề nghị/ yêu cầu thẩm định giá

³ Mục đích thẩm định giá

**Phụ lục số 03: Văn bản trả lời thẩm định giá của cơ quan được giao nhiệm vụ
thẩm định giá**

(Kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Bắc Giang)

**TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH GIÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày tháng năm

V/v trả lời kết quả thẩm định giá
của nhà nước ...

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày /6/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang quy định về thẩm định giá của nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Xét đề nghị của tại Báo cáo thẩm định giá

Theo đề nghị/ yêu cầu của tại Công văn số..... ngày..... về việc thẩm định giá.....,

.....⁴..... thông báo kết quả thẩm định giá như sau:

1. Mục đích thẩm định giá

Xác định giá tài sản phục vụ mục đích.....

2. Thời điểm thẩm định giá

Tại thời điểm (ngày... tháng năm....)

3. Nguyên tắc, cơ sở thẩm định giá (nêu rõ những căn cứ chủ yếu để thẩm định giá)

Căn cứ hóa đơn, chứng từ, hồ sơ, giấy tờ pháp lý do cung cấp (kèm theo công văn đề nghị/ yêu cầu số..... ngày.....); Căn cứ vào kết quả khảo sát thông tin trong nước và quốc tế liên quan đến giá trị tài sản cùng loại; Tham khảo kết quả thẩm định giá của đơn vị tư vấn về giá tại Chứng thư số của (nếu có); Căn cứ pháp lý khác.

4. Tài sản thẩm định giá

a) Đặc điểm tài sản về mặt kỹ thuật:

b) Đặc điểm tài sản về mặt pháp lý:

5. Phương pháp thẩm định giá:.....

6. Kết quả thẩm định giá:

Trên cơ sở các tài liệu do cung cấp, qua khảo sát thực tế tại hiện trường (*nếu có*); Tham khảo kết quả thẩm định giá của đơn vị tư vấn về giá tại Chứng thư số của (*nếu có*); với phương pháp thẩm định giá được áp dụng trong tính toán, Hội đồng thẩm định giá (hoặc bộ phận chuyên môn của cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định giá) báo cáo kết quả thẩm định giá tài sản..... tại thời điểm như sau:

Giá từng bộ phận của tài sản:.....

Giá toàn bộ của tài sản:.....

Làm tròn:

(viết bằng chữ: đồng).

7. Những hạn chế của kết quả thẩm định giá (*nếu có*):

.....⁴..... thông báo cáo kết quả thẩm định giá theo đề nghị của⁵..... làm cơ sở⁶..... theo quy định của pháp luật hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT,.....

Bản điện tử:

- Đơn vị có liên quan;
- Trưởng, phó cơ quan giao thẩm định giá./.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN GIAO
THẨM ĐỊNH GIÁ**

(ký tên, đóng dấu)

⁴ Tên cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định giá

⁵ Tên đơn vị đề nghị/ yêu cầu thẩm định giá

⁶ Mục đích thẩm định giá

Phụ lục số 04: Mẫu báo cáo kết quả thẩm định giá 06 tháng đầu năm và cả năm
(Kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Bắc Giang)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CƠ QUAN **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ

Báo cáo: 06 tháng đầu năm/cả năm

(Kèm theo Công văn số/..... ngày/...../20.... của
..... về việc báo cáo kết quả thẩm định giá tài sản của nhà
nước)

1. Kết quả thẩm định giá

TT	TÊN TÀI SẢN	Đặc điểm, quy cách chính (Model, quy cách, thông số kỹ thuật, đặc tính, xuất xứ, năm sản xuất, công suất,...)	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đề nghị thẩm định		Giá thẩm định		Ghi chú
					Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	
1	2	3	4	5	6	7=5x6	8	9 = 5x8	10
1									
2									
3									
4									
5									
.....									
	Tổng cộng:			

2. Đề xuất, kiến nghị

.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)